

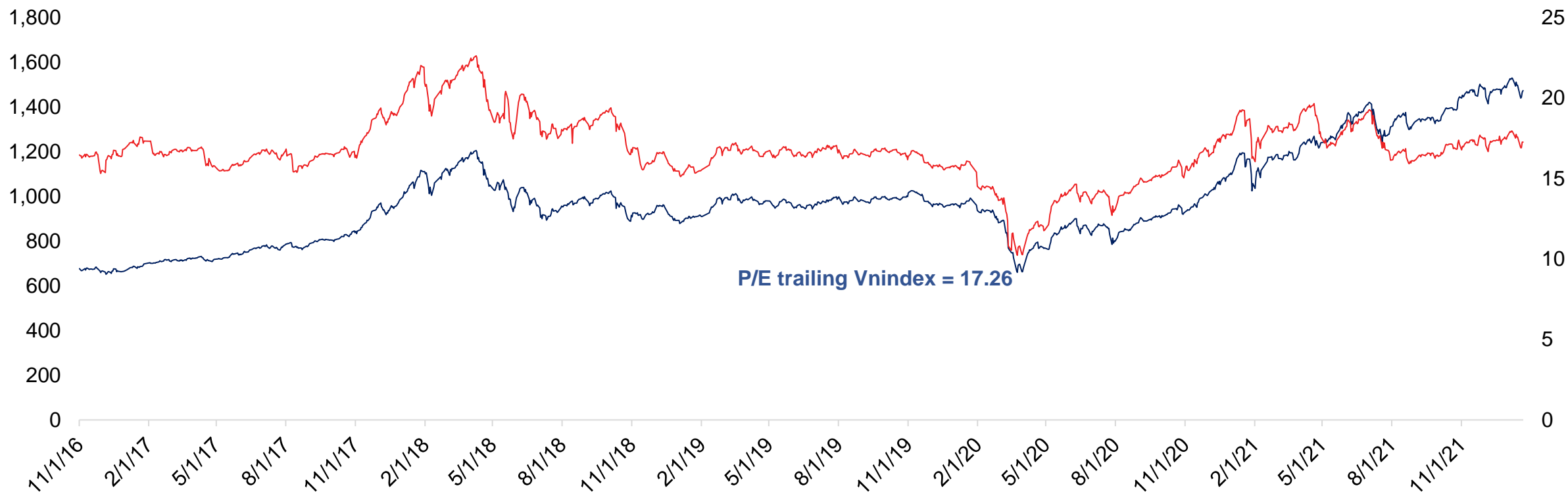
# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TUẦN 3

17/01/2022 – 21/01/2022



**Diễn biến Vnindex**

— Vnindex — P/E



**Ngày**

**01 – 21 – 2022**

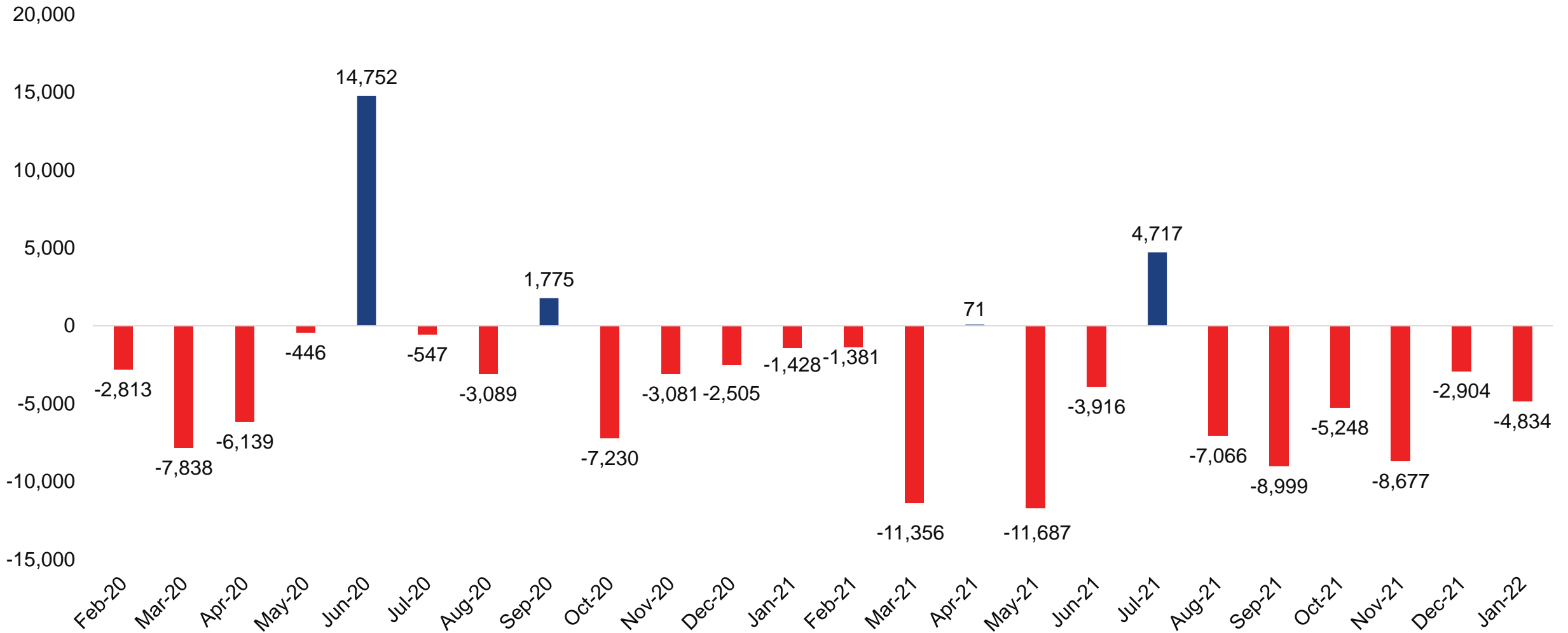
**Thay đổi Vnindex từ đầu năm**

**-3.45%**

Mua/bán ròng khối ngoại theo tuần từ đầu năm 2022 (Tỷ)



**Mua/bán ròng khối ngoại theo tháng từ 2020 đến nay (Tỷ)**



**Top 10 cổ phiếu được mua ròng lớn nhất từ NN trong tuần**

Mã CK	Giá trị mua ròng (Tỷ)
VNM	151
DXG	104
VHM	100
VCB	76
STB	71
SSI	69
IJC	55
BID	52
PTB	45
BCM	44

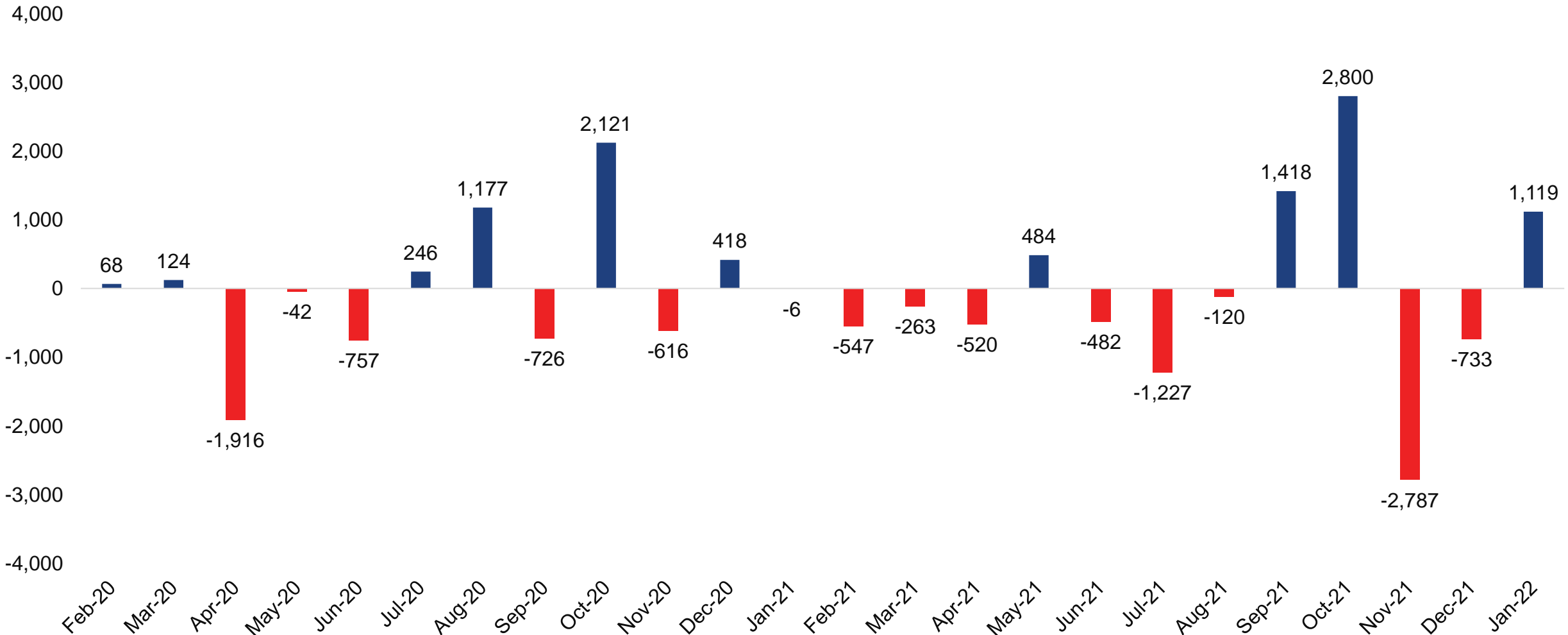
**Top 10 cổ phiếu bị bán ròng lớn nhất từ NN trong tuần**

Mã CK	Giá trị bán ròng (Tỷ)
MSN	4,698
HPG	214
NVL	205
NLG	173
DGW	151
KBC	138
VIC	94
PDR	66
CII	65
POW	54

Mua/bán ròng tự doanh theo tuần từ đầu năm 2022 (Tỷ)



Mua/bán ròng tự doanh theo tháng từ 2020 đến nay (Tỷ)



## Top 10 cổ phiếu được mua lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

Mã CK	Giá trị mua (Tỷ)
STB	220
MBB	206
TCB	202
MWG	196
HPG	176
VPB	158
VCB	131
ACB	115
VHM	110
FPT	109

## Top 10 cổ phiếu bị bán lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

Mã CK	Giá trị bán (Tỷ)
MSN	295
TCB	191
HPG	165
VPB	157
STB	144
MBB	112
KOS	111
MWG	107
SSI	94
VIC	89



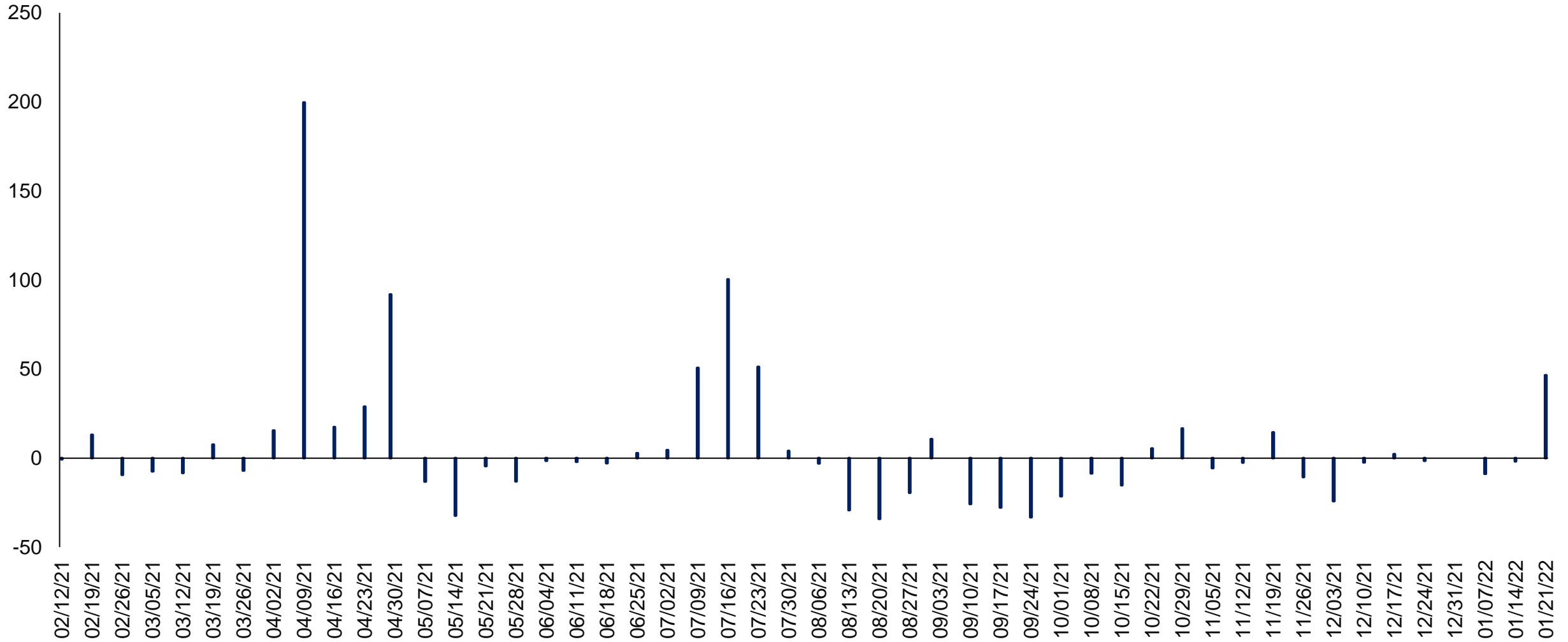
Giá trị mua ròng tự doanh nhóm VN30 tuần 3 là 388.44 tỷ

Mã CK	Giá trị ròng (Tỷ)
ACB	29.76
BID	0.20
BVH	22.07
CTG	25.18
FPT	39.11
GAS	37.66
GVR	2.61
HDB	16.50
HPG	11.00
KDH	-10.81
MBB	94.60
MSN	-201.99
MWG	88.84
NVL	-40.50
PDR	6.14

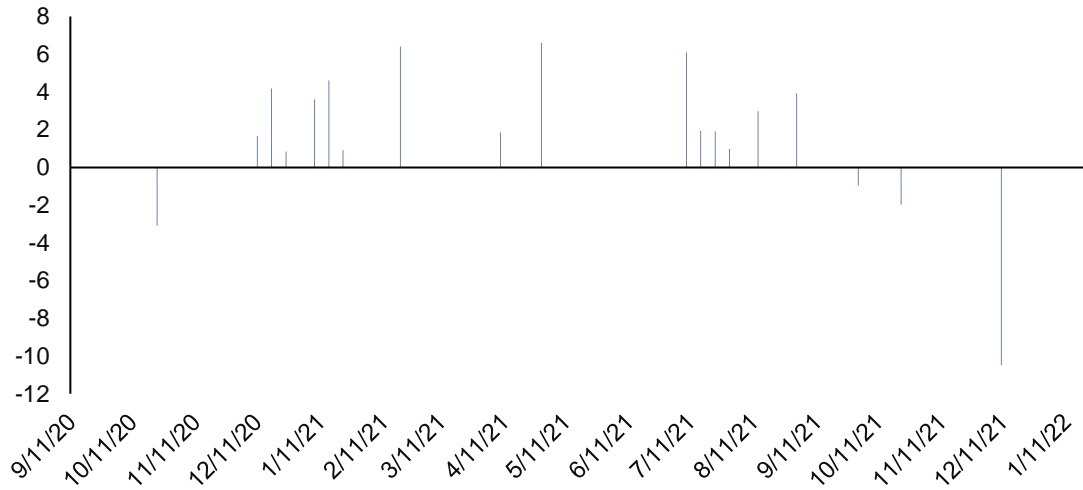
Mã CK	Giá trị ròng (Tỷ)
PLX	1.35
PNJ	5.49
POW	2.21
SAB	14.70
SSI	-56.24
STB	75.93
TCB	11.72
TPB	14.36
VCB	99.08
VHM	31.08
VIC	3.11
VJC	14.05
VNM	4.85
VPB	1.45
VRE	44.93

ETF Fundflow	Shares Out (Million)	AUM	Dòng vốn ròng (Million USD)					
			Tuần qua	Q1/2022	Q4/2021	Q3/2021	Q2/2021	Từ 1/1/2021
VanEck Vectors Vietnam	27.7	550.02	0.00	0.00	-13.43	17.78	8.44	0.00
FTSE Vietnam Swap UCITS	8.5	464.38	2.42	6.38	-23.96	-42.10	-21.59	6.38
VFMVN30	418.9	382.19	0.48	-6.08	1.93	17.79	0.56	-6.08
KINDEX Vietnam VN30	9.3	176.37	0.00	0.00	-9.86	7.20	-14.03	0.00
iShares MSCI Frontier and Select EM	14.8	502.98	0.00	0.00	3.61	13.25	-9.53	0.00
Premia MSCI Vietnam	2.4	30.54	0.00	0.55	1.05	0.26	-1.74	0.55
ETF SSIAM VNFIN LEAD	162.8	156.05	1.88	3.97	14.65	0.00	2.89	3.97
VFMVN Diamond	489.9	566.08	2.66	-1.45	16.55	-53.73	33.25	-1.45
Fubon FTSE Vietnam	802.7	493.07	39.13	32.56	-43.88	88.51	288.52	32.56
<b>Total</b>		<b>3,321.68</b>	<b>46.57</b>	<b>35.93</b>	<b>-53.35</b>	<b>48.96</b>	<b>286.77</b>	<b>35.93</b>

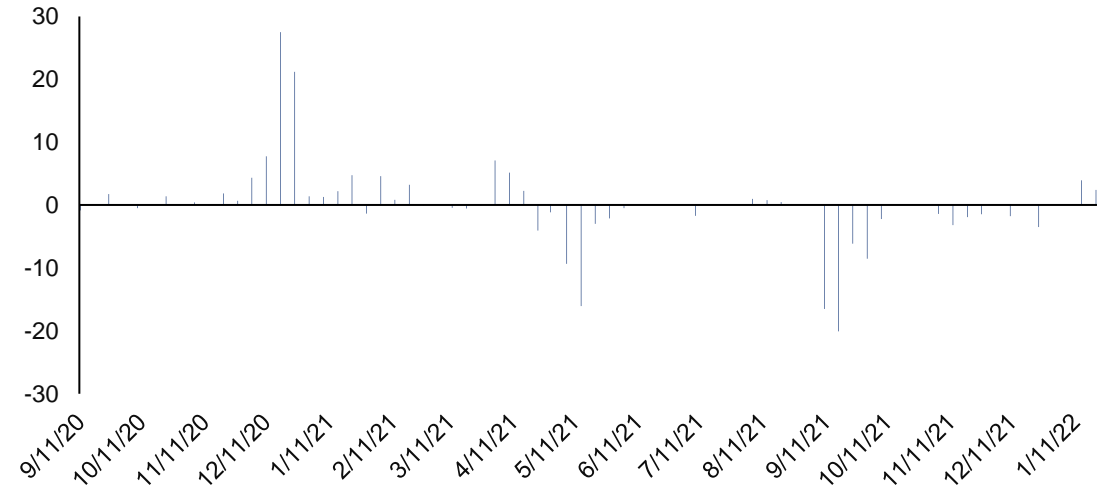
Total ETF Fundflow (Million USD)



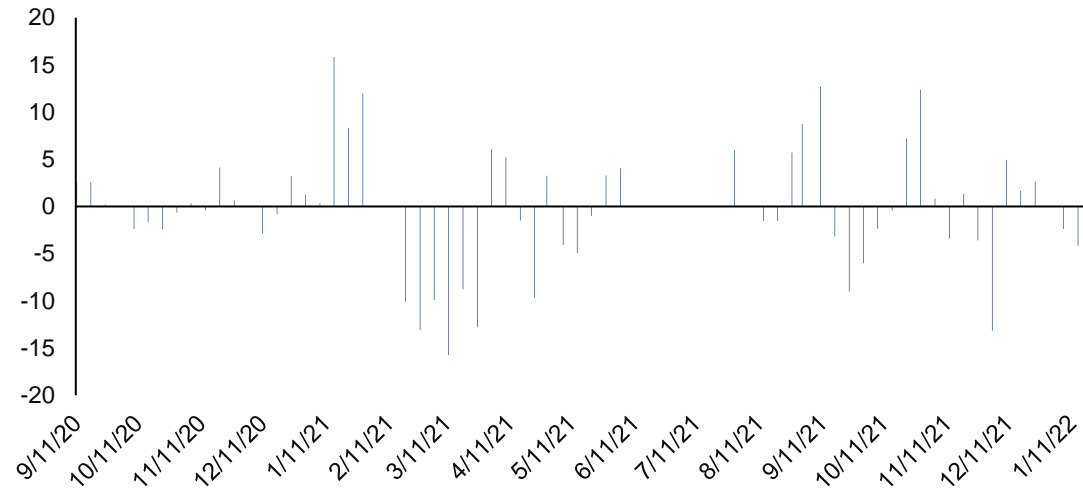
**VanEck Vectors Vietnam (Million USD)**



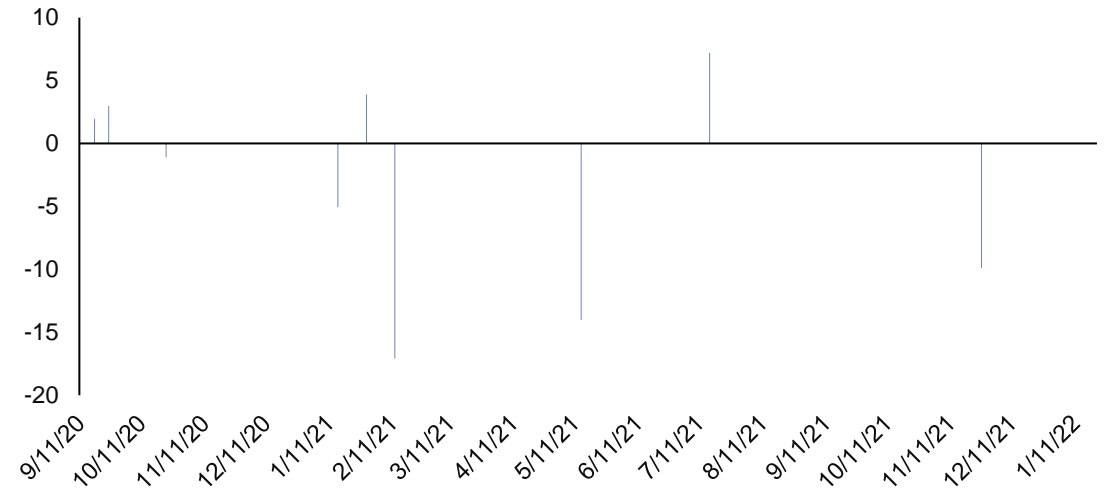
**FTSE Vietnam Swap UCITS (Million USD)**



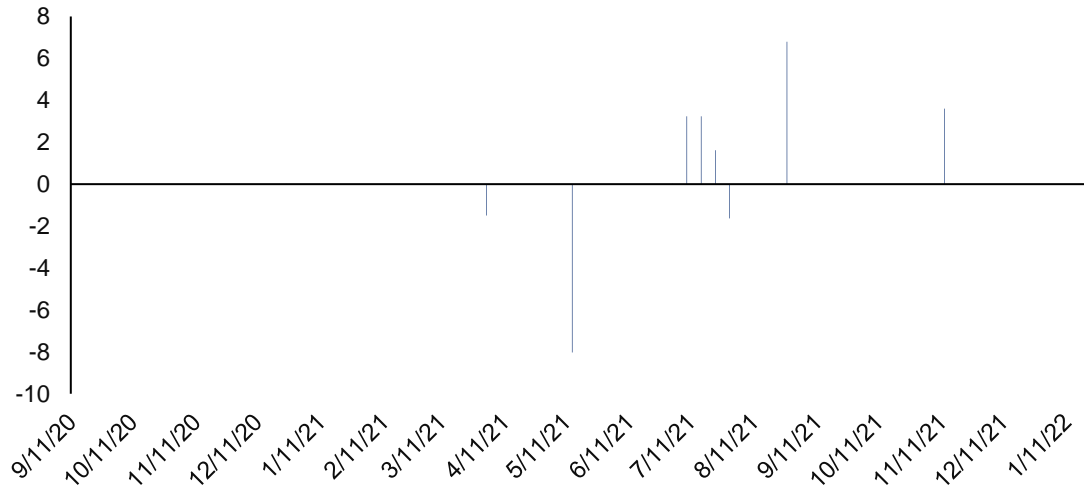
**VFMVN30 (Million USD)**



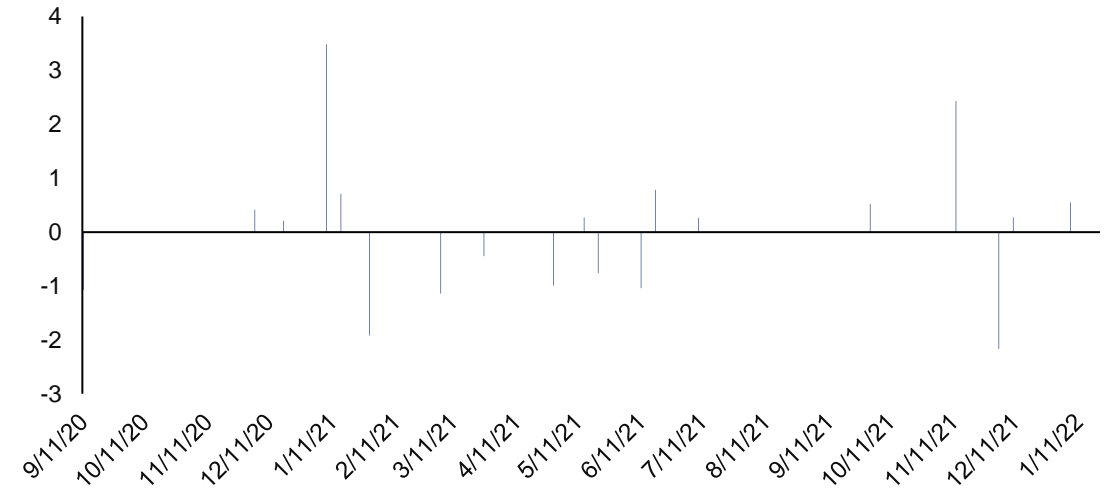
**KINDEX Vietnam VN30 (Million USD)**



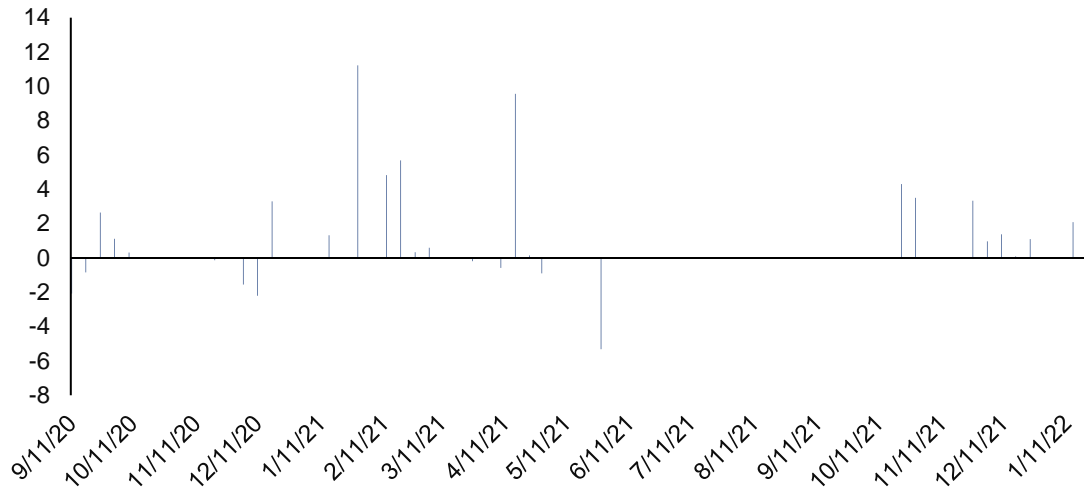
**iShares MSCI Frontier and Select EM (Million USD)**



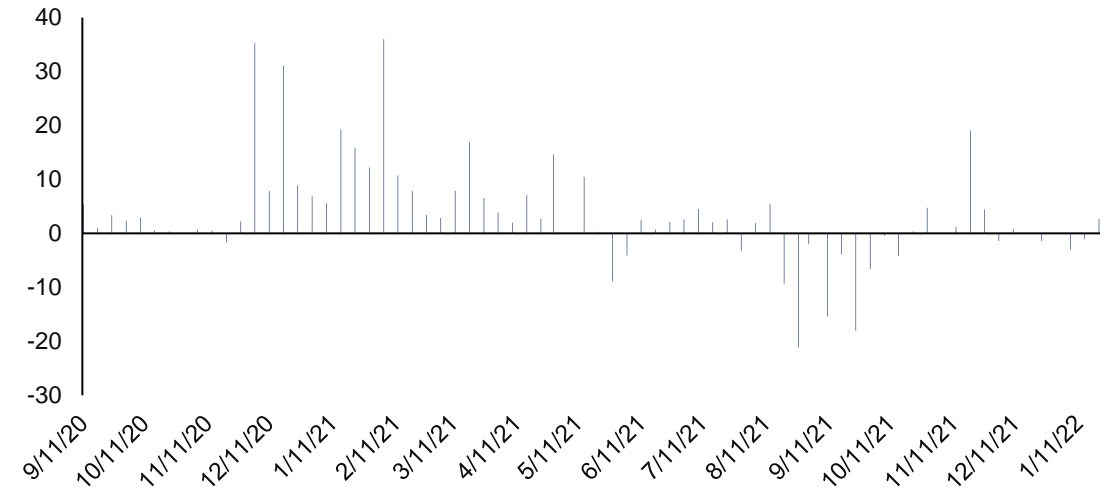
**Premia MSCI Vietnam (Million USD)**



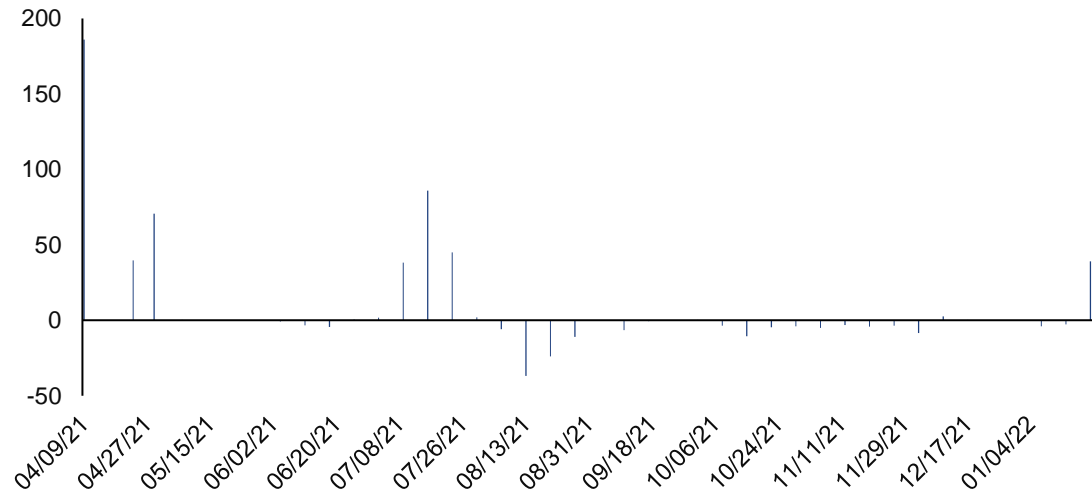
**ETF SSIAM VNFIN LEAD (Million USD)**



**VFMVN Diamond (Million USD)**



Fubon FTSE Vietnam (Million USD)



Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Securities  
**THANHCÔNG**  
QUALITY MAKES DIFFERENCE

THANHCÔNG SECURITIES CO.

A: 2<sup>nd</sup> floor, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh W., D.1, HCMC

T: (+84 28) 3827 0527 | F: (+84 28) 3821 80 10

[www.tcsc.vn](http://www.tcsc.vn)